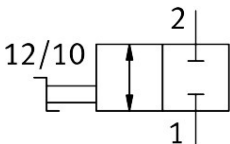


# **Van đóng mở** **HE-2-1/2-QS-1/2-U** Số bộ phận: 153992

**FESTO**



## **Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                             |
|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| Chức năng van                                              | 2/2 lưỡng ổn định                                                   |
| Cổng nối khí nén 1                                         | 1/2 NPT                                                             |
| Cổng nối khí nén 2                                         | QS-1/2                                                              |
| Kiểu vận hành                                              | thủ công                                                            |
| Kiểu gắn                                                   | Gắn trực tiếp qua lỗ xuyên<br>Gắn trực tiếp thông qua ren<br>tùy ý: |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 812.7 l/ph                                                          |
| Chiều rộng định mức                                        | 4.7 mm                                                              |
| Áp suất vận hành                                           | -0.095 MPA...1 MPA<br>-0.95 bar...10 bar                            |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | 0 °C...60 °C                                                        |
| Vật liệu vỏ                                                | PBT-gia cố                                                          |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-]                                |
| Nguyên lý bít                                              | mềm                                                                 |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kì                                                              |
| Cấu trúc xây dựng                                          | thanh trượt pít tông                                                |
| Kiểu điều khiển                                            | trực tiếp                                                           |
| Hướng dòng chảy                                            | có thể đảo ngược                                                    |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                      | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)       |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                              |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B1/B2-L                                                   |
| Loại phòng sạch                                            | Loại 4 theo ISO 14644-1                                             |
| Nhiệt độ trung bình                                        | 0 °C...60 °C                                                        |
| trọng lượng sản phẩm                                       | 87 g                                                                |
| Vật liệu ngông vận vít                                     | Đồng thau mạ niken                                                  |
| Ghi chú vật liệu                                           | Tuân thủ RoHS                                                       |
| Vật liệu của phốt                                          | NBR                                                                 |